

CÔNG TY CỔ PHẦN ENPA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ENPA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ENPA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108051200

3. Ngày thành lập: 07/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 01, ngõ 20/5 Nguyễn Chánh, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902244133

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
2.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
3.	Trồng cây điều	0123
4.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
5.	Chăn nuôi lợn	0145
6.	Chăn nuôi gia cầm	0146
7.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
8.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
9.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
10.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
11.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
12.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
13.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
14.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
15.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
19.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
20.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

21.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	6820
23.	Trồng lúa	0111
24.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
26.	Quảng cáo	7310
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô;	4932
30.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
31.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
32.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
33.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
34.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
35.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
36.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
41.	Bốc xếp hàng hóa	5224
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229

43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Cơ sở lưu trú khác	5590
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng - Thiết kế xây dựng công trình - Thăm tra thiết kế, dự toán xây dựng - Khảo sát xây dựng - Giám sát thi công xây dựng công trình - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn lựa chọn nhà thầu - Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
47.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
48.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
51.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại	7490
52.	Cho thuê xe có động cơ	7710
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
54.	Đại lý du lịch	7911
55.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;	7912
56.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
57.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	8299
59.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm Bán lẻ vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773

61.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4774
62.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết : - Hoạt động thương mại điện tử (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4791(Chính)
63.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
64.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
65.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
66.	Trồng cây mía	0114
67.	Trồng cây lấy sợi	0116
68.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
69.	Trồng cây hàng năm khác	0119
70.	Trồng cây ăn quả	0121
71.	Trồng cây lâu năm khác	0129
72.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
73.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
74.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
75.	Chăn nuôi khác	0149
76.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
77.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
78.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
79.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
80.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
81.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
82.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
83.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
84.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
85.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
86.	Sản xuất đường	1072
87.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
88.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
89.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
90.	Sản xuất sợi	1311
91.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
92.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
93.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
94.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329

95.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
96.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
97.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
98.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
99.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
100.	Sản xuất giày dép	1520
101.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
102.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
103.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
104.	Xây dựng nhà các loại	4100
105.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
106.	Xây dựng công trình công ích	4220
107.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
108.	Phá dỡ	4311
109.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
110.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
111.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
112.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
113.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
114.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
115.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4541
116.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
117.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4543
118.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
119.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
120.	Bán buôn gạo	4631
121.	Bán buôn thực phẩm	4632
122.	Bán buôn đồ uống	4633
123.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
124.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
125.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
126.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
127.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

128.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
129.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
130.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
131.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng).	4662
132.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
133.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
134.	Bán buôn tổng hợp	4690
135.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
136.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
137.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
138.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
139.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÌNH MINH TUÂN	13 Đỗ Nhuận, Phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	204.000	2.040.000.000	68,000	233129777	
			Tổng số	204.000	2.040.000.000	68,000		
2	LÙ QUANG MINH	P304-N3, ngõ 36 Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.000	240.000.000	8,000	012915082	
			Tổng số	24.000	240.000.000	8,000		
3	PHAN HỮU CỬ	Xóm 5, Xã Hưng Lợi, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.000	240.000.000	8,000	186223531	
			Tổng số	24.000	240.000.000	8,000		

4	CHU THANH TÙNG	Số 257 phố Bàn, Thị Trấn Bàn Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Tổng số	24.000	240.000.000	8,000	145365287	
			Cổ phần phổ thông	24.000	240.000.000	8,000		
5	HOÀNG VĂN SÁNG	Xóm Hạ, Xã Nghĩa Hòa, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.000	240.000.000	8,000	121761601	
			Tổng số	24.000	240.000.000	8,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/01/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 145365287

Ngày cấp: 31/12/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 257 phố Bàn, Thị Trấn Bàn Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 257 phố Bàn, Thị Trấn Bàn Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội